



CÔNG TY CỔ PHẦN 2DE VIỆT NAM

Trụ sở: Số 6, Đường Đặc 7 Nội, Cụm 8, Xã Liên Minh, TP. Hà Nội

Nhà máy 1: Số 54, Đường Yên Bình, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Nhà máy 2: KM 16 + 390 Đại lộ Thăng Long, Xã Quốc Oai, TP. Hà Nội

Hotline: 0926.33.83.86

Website: <https://2de.com.vn/>



BẢNG GIÁ MÁNG CÁP MẠ KẼM NHÚNG NÓNG

(Áp dụng từ ngày 01/01/2026)

1, Bảng giá máng cáp mạ kẽm nhúng nóng chưa bao gồm vận chuyển, chưa bao gồm VAT.

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	MÁNG CÁP				1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.5mm	2.0mm
I	MÁNG CÁP 50X50					
1	Máng cáp	50	50	Mét	122,900	161,200
2	Nắp máng cáp	50	50	Mét	48,300	63,400
3	Ngã ba T máng cáp	50	50	Cái	147,400	193,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	50	50	Cái	58,000	76,100
5	Chữ thập X máng cáp	50	50	Cái	184,300	241,800
6	Nắp chữ thập X máng cáp	50	50	Cái	72,500	95,100
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	50	50	Cái	135,200	177,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	50	50	Cái	53,200	69,700
II	MÁNG CÁP 60X40					
1	Máng cáp	60	40	Mét	116,000	152,300
2	Nắp máng cáp	60	40	Mét	55,000	72,200
3	Ngã ba T máng cáp	60	40	Cái	139,200	182,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	60	40	Cái	66,000	86,600
5	Chữ thập X máng cáp	60	40	Cái	174,000	228,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	60	40	Cái	82,500	108,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	60	40	Cái	127,600	167,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	60	40	Cái	60,500	79,400
III	MÁNG CÁP 75X50					
1	Máng cáp	75	50	Mét	139,900	183,600
2	Nắp máng cáp	75	50	Mét	65,100	85,400
3	Ngã ba T máng cáp	75	50	Cái	167,900	220,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	75	50	Cái	78,100	102,400
5	Chữ thập X máng cáp	75	50	Cái	209,900	275,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	75	50	Cái	97,600	128,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	75	50	Cái	153,900	202,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	75	50	Cái	71,600	93,900
IV	MÁNG CÁP 100X50					
1	Máng cáp	100	50	Mét	157,000	206,000
2	Nắp máng cáp	100	50	Mét	81,800	107,300
3	Ngã ba T máng cáp	100	50	Cái	188,400	247,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	50	Cái	98,200	128,800

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	MÁNG CÁP				1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM					
5	Chữ thập X máng cáp	100	50	Cái	235,500	308,900
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	50	Cái	122,700	161,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	50	Cái	172,700	226,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	50	Cái	90,000	118,000
V	MÁNG CÁP 100X75					
1	Máng cáp	100	75	Mét	191,100	250,700
2	Nắp máng cáp	100	75	Mét	81,800	107,300
3	Ngã ba T máng cáp	100	75	Cái	229,300	300,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	75	Cái	98,200	128,800
5	Chữ thập X máng cáp	100	75	Cái	286,600	376,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	75	Cái	122,700	161,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	75	Cái	210,200	275,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	75	Cái	90,000	118,000
VI	MÁNG CÁP 100X100					
1	Máng cáp	100	100	Mét	225,200	295,500
2	Nắp máng cáp	100	100	Mét	81,800	107,300
3	Ngã ba T máng cáp	100	100	Cái	270,300	354,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	100	Cái	98,200	128,800
5	Chữ thập X máng cáp	100	100	Cái	337,800	443,300
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	100	Cái	122,700	161,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	100	Cái	247,700	325,100
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	100	Cái	90,000	118,000
VII	MÁNG CÁP 150X50					
1	Máng cáp	150	50	Mét	191,100	250,700
2	Nắp máng cáp	150	50	Mét	115,300	151,300
3	Ngã ba T máng cáp	150	50	Cái	229,300	300,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	50	Cái	138,400	181,500
5	Chữ thập X máng cáp	150	50	Cái	286,600	376,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	50	Cái	172,900	226,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	50	Cái	210,200	275,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	50	Cái	126,800	166,400
VIII	MÁNG CÁP 150X75					
1	Máng cáp	150	75	Mét	225,200	295,500
2	Nắp máng cáp	150	75	Mét	115,300	151,300
3	Ngã ba T máng cáp	150	75	Cái	270,300	354,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	75	Cái	138,400	181,500
5	Chữ thập X máng cáp	150	75	Cái	337,800	443,300
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	75	Cái	172,900	226,900

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	MÁNG CÁP				1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM					
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	75	Cái	247,700	325,100
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	75	Cái	126,800	166,400
IX	MÁNG CÁP 150X100					
1	Máng cáp	150	100	Mét	259,300	340,300
2	Nắp máng cáp	150	100	Mét	115,300	151,300
3	Ngã ba T máng cáp	150	100	Cái	311,200	408,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	100	Cái	138,400	181,500
5	Chữ thập X máng cáp	150	100	Cái	389,000	510,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	100	Cái	172,900	226,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	100	Cái	285,300	374,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	100	Cái	126,800	166,400
X	MÁNG CÁP 200X50					
1	Máng cáp	200	50	Mét	225,200	295,500
2	Nắp máng cáp	200	50	Mét	148,800	195,200
3	Ngã ba T máng cáp	200	50	Cái	270,300	354,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	50	Cái	178,500	234,200
5	Chữ thập X máng cáp	200	50	Cái	337,800	443,300
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	50	Cái	223,200	292,800
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	50	Cái	247,700	325,100
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	50	Cái	163,700	214,700
XI	MÁNG CÁP 200X75					
1	Máng cáp	200	75	Mét	259,300	340,300
2	Nắp máng cáp	200	75	Mét	148,800	195,200
3	Ngã ba T máng cáp	200	75	Cái	311,200	408,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	75	Cái	178,500	234,200
5	Chữ thập X máng cáp	200	75	Cái	389,000	510,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	75	Cái	223,200	292,800
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	75	Cái	285,300	374,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	75	Cái	163,700	214,700
XII	MÁNG CÁP 200X100					
1	Máng cáp	200	100	Mét	293,500	385,100
2	Nắp máng cáp	200	100	Mét	148,800	195,200
3	Ngã ba T máng cáp	200	100	Cái	352,100	462,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	100	Cái	178,500	234,200
5	Chữ thập X máng cáp	200	100	Cái	440,200	577,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	100	Cái	223,200	292,800
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	100	Cái	322,800	423,600

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	MÁNG CÁP					
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.5mm	2.0mm
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	100	Cái	163,700	214,700
XIII	MÁNG CÁP 250X50					
1	Máng cáp	250	50	Mét	259,300	340,300
2	Nắp máng cáp	250	50	Mét	182,300	239,100
3	Ngã ba T máng cáp	250	50	Cái	311,200	408,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	50	Cái	218,700	286,900
5	Chữ thập X máng cáp	250	50	Cái	389,000	510,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	50	Cái	273,400	358,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	50	Cái	285,300	374,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	50	Cái	200,500	263,000
XIV	MÁNG CÁP 250X75					
1	Máng cáp	250	75	Mét	293,500	385,100
2	Nắp máng cáp	250	75	Mét	182,300	239,100
3	Ngã ba T máng cáp	250	75	Cái	352,100	462,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	75	Cái	218,700	286,900
5	Chữ thập X máng cáp	250	75	Cái	440,200	577,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	75	Cái	273,400	358,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	75	Cái	322,800	423,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	75	Cái	200,500	263,000
XV	MÁNG CÁP 250X100					
1	Máng cáp	250	100	Mét	327,600	429,800
2	Nắp máng cáp	250	100	Mét	182,300	239,100
3	Ngã ba T máng cáp	250	100	Cái	393,100	515,800
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	100	Cái	218,700	286,900
5	Chữ thập X máng cáp	250	100	Cái	491,300	644,700
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	100	Cái	273,400	358,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	100	Cái	360,300	472,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	100	Cái	200,500	263,000
XVI	MÁNG CÁP 300X50					
1	Máng cáp	300	50	Mét	293,500	385,100
2	Nắp máng cáp	300	50	Mét	215,800	283,100
3	Ngã ba T máng cáp	300	50	Cái	352,100	462,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	50	Cái	258,900	339,700
5	Chữ thập X máng cáp	300	50	Cái	440,200	577,600
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	50	Cái	323,600	424,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	50	Cái	322,800	423,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	50	Cái	237,300	311,400
XVII	MÁNG CÁP 300X75					

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	MÁNG CÁP				1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM					
1	Máng cáp	300	75	Mét	327,600	429,800
2	Nắp máng cáp	300	75	Mét	215,800	283,100
3	Ngã ba T máng cáp	300	75	Cái	393,100	515,800
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	75	Cái	258,900	339,700
5	Chữ thập X máng cáp	300	75	Cái	491,300	644,700
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	75	Cái	323,600	424,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	75	Cái	360,300	472,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	75	Cái	237,300	311,400
XVIII	MÁNG CÁP 300X100					
1	Máng cáp	300	100	Mét	361,700	474,600
2	Nắp máng cáp	300	100	Mét	215,800	283,100
3	Ngã ba T máng cáp	300	100	Cái	434,000	569,500
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	100	Cái	258,900	339,700
5	Chữ thập X máng cáp	300	100	Cái	542,500	711,900
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	100	Cái	323,600	424,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	100	Cái	397,900	522,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	100	Cái	237,300	311,400
XIX	MÁNG CÁP 350X50					
1	Máng cáp	350	50	Mét	327,600	429,800
2	Nắp máng cáp	350	50	Mét	249,200	327,000
3	Ngã ba T máng cáp	350	50	Cái	393,100	515,800
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	50	Cái	299,100	392,400
5	Chữ thập X máng cáp	350	50	Cái	491,300	644,700
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	50	Cái	373,800	490,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	50	Cái	360,300	472,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	50	Cái	274,200	359,700
XX	MÁNG CÁP 350X75					
1	Máng cáp	350	75	Mét	361,700	474,600
2	Nắp máng cáp	350	75	Mét	249,200	327,000
3	Ngã ba T máng cáp	350	75	Cái	434,000	569,500
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	75	Cái	299,100	392,400
5	Chữ thập X máng cáp	350	75	Cái	542,500	711,900
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	75	Cái	373,800	490,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	75	Cái	397,900	522,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	75	Cái	274,200	359,700
XXI	MÁNG CÁP 350X100					
1	Máng cáp	350	100	Mét	395,800	519,400
2	Nắp máng cáp	350	100	Mét	249,200	327,000
3	Ngã ba T máng cáp	350	100	Cái	475,000	623,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	100	Cái	299,100	392,400

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	MÁNG CÁP				1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM					
5	Chữ thập X máng cáp	350	100	Cái	593,700	779,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	100	Cái	373,800	490,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	100	Cái	435,400	571,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	100	Cái	274,200	359,700
XXII	MÁNG CÁP 400X50					
1	Máng cáp	400	50	Mét	361,700	474,600
2	Nắp máng cáp	400	50	Mét	282,700	370,900
3	Ngã ba T máng cáp	400	50	Cái	434,000	569,500
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	50	Cái	339,300	445,100
5	Chữ thập X máng cáp	400	50	Cái	542,500	711,900
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	50	Cái	424,100	556,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	50	Cái	397,900	522,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	50	Cái	311,000	408,000
XXIII	MÁNG CÁP 400X100					
1	Máng cáp	400	100	Mét	429,900	564,100
2	Nắp máng cáp	400	100	Mét	282,700	370,900
3	Ngã ba T máng cáp	400	100	Cái	515,900	676,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	100	Cái	339,300	445,100
5	Chữ thập X máng cáp	400	100	Cái	644,900	846,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	100	Cái	424,100	556,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	100	Cái	472,900	620,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	100	Cái	311,000	408,000
XXIV	MÁNG CÁP 400X150					
1	Máng cáp	400	150	Mét	498,200	653,700
2	Nắp máng cáp	400	150	Mét	282,700	370,900
3	Ngã ba T máng cáp	400	150	Cái	597,800	784,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	150	Cái	339,300	445,100
5	Chữ thập X máng cáp	400	150	Cái	747,200	980,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	150	Cái	424,100	556,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	150	Cái	548,000	719,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	150	Cái	311,000	408,000
XXV	MÁNG CÁP 500X50					
1	Máng cáp	500	50	Mét	429,900	564,100
2	Nắp máng cáp	500	50	Mét	349,700	458,800
3	Ngã ba T máng cáp	500	50	Cái	515,900	676,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	50	Cái	419,600	550,600
5	Chữ thập X máng cáp	500	50	Cái	644,900	846,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	50	Cái	524,500	688,200

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	MÁNG CÁP				1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM					
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	50	Cái	472,900	620,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	50	Cái	384,700	504,700
XXVI	MÁNG CÁP 500X100					
1	Máng cáp	500	100	Mét	498,200	653,700
2	Nắp máng cáp	500	100	Mét	349,700	458,800
3	Ngã ba T máng cáp	500	100	Cái	597,800	784,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	100	Cái	419,600	550,600
5	Chữ thập X máng cáp	500	100	Cái	747,200	980,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	100	Cái	524,500	688,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	100	Cái	548,000	719,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	100	Cái	384,700	504,700
XXVII	MÁNG CÁP 500X150					
1	Máng cáp	500	150	Mét	566,400	743,200
2	Nắp máng cáp	500	150	Mét	349,700	458,800
3	Ngã ba T máng cáp	500	150	Cái	679,700	891,800
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	150	Cái	419,600	550,600
5	Chữ thập X máng cáp	500	150	Cái	849,600	1,114,800
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	150	Cái	524,500	688,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	150	Cái	623,000	817,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	150	Cái	384,700	504,700
XXVIII	MÁNG CÁP 600X100					
1	Máng cáp	600	100	Mét	566,400	743,200
2	Nắp máng cáp	600	100	Mét	416,700	546,700
3	Ngã ba T máng cáp	600	100	Cái	849,600	1,114,800
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	100	Cái	625,000	820,000
5	Chữ thập X máng cáp	600	100	Cái	1,019,500	1,337,700
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	100	Cái	625,000	820,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	100	Cái	792,900	1,040,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	100	Cái	458,300	601,300
XXIX	MÁNG CÁP 600X150					
1	Máng cáp	600	150	Mét	634,600	832,700
2	Nắp máng cáp	600	150	Mét	416,700	546,700
3	Ngã ba T máng cáp	600	150	Cái	951,900	1,249,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	150	Cái	625,000	820,000
5	Chữ thập X máng cáp	600	150	Cái	1,142,300	1,498,900
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	150	Cái	625,000	820,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	150	Cái	888,500	1,165,800

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	MÁNG CÁP				1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM					
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	150	Cái	458,300	601,300
XXX	MÁNG CÁP 600X200					
1	Máng cáp	600	200	Mét	702,900	922,300
2	Nắp máng cáp	600	200	Mét	416,700	546,700
3	Ngã ba T máng cáp	600	200	Cái	1,054,300	1,383,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	200	Cái	625,000	820,000
5	Chữ thập X máng cáp	600	200	Cái	1,265,100	1,660,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	200	Cái	625,000	820,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	200	Cái	984,000	1,291,200
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	200	Cái	458,300	601,300
XXXI	MÁNG CÁP 800X100					
1	Máng cáp	800	100	Mét	702,900	922,300
2	Nắp máng cáp	800	100	Mét	550,600	722,400
3	Ngã ba T máng cáp	800	100	Cái	1,054,300	1,383,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	100	Cái	825,900	1,083,600
5	Chữ thập X máng cáp	800	100	Cái	1,265,100	1,660,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	100	Cái	825,900	1,083,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	100	Cái	984,000	1,291,200
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	100	Cái	605,700	794,700
XXXII	MÁNG CÁP 800X150					
1	Máng cáp	800	150	Mét	771,100	1,011,800
2	Nắp máng cáp	800	150	Mét	550,600	722,400
3	Ngã ba T máng cáp	800	150	Cái	1,156,600	1,517,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	150	Cái	825,900	1,083,600
5	Chữ thập X máng cáp	800	150	Cái	1,387,900	1,821,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	150	Cái	825,900	1,083,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	150	Cái	1,079,500	1,416,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	150	Cái	605,700	794,700
XXXIII	MÁNG CÁP 800X200					
1	Máng cáp	800	200	Mét	839,300	1,101,300
2	Nắp máng cáp	800	200	Mét	550,600	722,400
3	Ngã ba T máng cáp	800	200	Cái	1,259,000	1,652,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	200	Cái	825,900	1,083,600
5	Chữ thập X máng cáp	800	200	Cái	1,510,800	1,982,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	200	Cái	825,900	1,083,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	200	Cái	1,175,000	1,541,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	200	Cái	605,700	794,700
XXXIV	MÁNG CÁP 1000X100					

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	MÁNG CÁP				1.5mm	2.0mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM					
1	Máng cáp	1000	100	Mét	839,300	1,101,300
2	Nắp máng cáp	1000	100	Mét	684,600	898,200
3	Ngã ba T máng cáp	1000	100	Cái	1,259,000	1,652,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	100	Cái	1,026,800	1,347,200
5	Chữ thập X máng cáp	1000	100	Cái	1,510,800	1,982,400
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	100	Cái	1,026,800	1,347,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	100	Cái	1,175,000	1,541,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	100	Cái	753,000	988,000
XXXV MÁNG CÁP 1000X150						
1	Máng cáp	1000	150	Mét	907,600	1,190,900
2	Nắp máng cáp	1000	150	Mét	684,600	898,200
3	Ngã ba T máng cáp	1000	150	Cái	1,361,300	1,786,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	150	Cái	1,026,800	1,347,200
5	Chữ thập X máng cáp	1000	150	Cái	1,633,600	2,143,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	150	Cái	1,026,800	1,347,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	150	Cái	1,270,600	1,667,200
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	150	Cái	753,000	988,000
XXXVI MÁNG CÁP 1000X200						
1	Máng cáp	1000	200	Mét	975,800	1,280,400
2	Nắp máng cáp	1000	200	Mét	684,600	898,200
3	Ngã ba T máng cáp	1000	200	Cái	1,463,700	1,920,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	200	Cái	1,026,800	1,347,200
5	Chữ thập X máng cáp	1000	200	Cái	1,756,400	2,304,700
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	200	Cái	1,026,800	1,347,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	200	Cái	1,366,100	1,792,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	200	Cái	753,000	988,000

- 2, Thời gian giao hàng: - 12-15 ngày kể từ ngày xác nhận đặt hàng và tạm ứng
3, Địa điểm giao hàng: - tại kho bên bán
4, Hình thức thanh toán: - Tiền mặt hoặc chuyển khoản

+ Chủ TK: Công ty cổ phần 2DE Việt Nam
+ STK: 03366013633888 tại ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi Nhánh Cầu Giấy - Hà Nội

5, Điều khoản thanh toán: - Tạm ứng 50%, 50% còn lại thanh toán trước khi giao hàng
6, Thời gian bảo hành: - 12 tháng từ ngày bàn giao. Sản phẩm được bảo hành do lỗi nhà sản xuất
- Rất hân hạnh được hợp tác với Quý Khách Hàng!